

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2020/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Họ và tên: Bà Phạm Thị Thu H - sinh năm: 1996

Địa chỉ thường trú: 142G, khu phố 3, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Họ và tên: Ông Nguyễn Cao K - sinh năm: 1993

Địa chỉ thường trú: số 183/147/58 B, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/5/2020, bà Phạm Thị Thu H và ông KNguyễn Cao K đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Cao K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Cao K cùng tự khai không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Cao K cùng tự khai không có.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Cao K cùng tự khai không có.

Ngoài ra, bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Cao K không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Phạm Thị Thu H tự nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027390 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thu H đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Cao K không phải nộp lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2014 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2014 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.2;
- CCTHADS Q.2;
- UBND P.A, Q.2;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lưu Hải Quỳnh Anh

